

UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MẦM NON HÒA MI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin kết quả hoạt động giáo dục tại thời điểm tháng 05
Năm học 2024-2025**

(Theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

S T T	Nội dung		Kết quả thực tế đạt được cuối năm học 2024-2025								
			Toàn trường		Trong đó chia ra						
			Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			Số lượng trẻ đạt	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ đi học	98	100				32	17	23	26
		Trẻ học nhóm ghép	53	100				0	4	23	26
		Trẻ học 2 buổi/ ngày	98	100				32	17	23	26
		Trẻ khuyết tật hòa nhập	0					0			
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	98	100				32	17	23	26
		Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm theo nhu cầu khuyến nghị	98	100				32	17	23	26
	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo	Trẻ được khám sức khỏe định kỳ	98	100				32	17	23	26
		Trẻ được cân- đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định	98	100				32	17	23	26

3	an toàn cho trẻ	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	Trẻ có cân nặng bình thường	95	96,9					31	16	22	26
			Trẻ có chiều cao bình thường	95	96,9					31	16	22	26
			Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	3	3,1					1	1	1	0
			Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	3	3,1					1	1	1	0
			Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	0	0					0	0	0	0
			Trẻ thừa cân	0	0					0	0	0	0
			Trẻ béo phì	0	0					0	0	0	0
		Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần			98	100					32	17	23
4	Trẻ đi học chuyên cần			95	96,9					31	16	22	26
	Chất lượng giáo dục trẻ	Đánh giá chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ được đánh giá ở mức “Đạt”	95	96,9					31	16	22	26
			Trẻ được đánh giá ở mức “ Chưa Đạt”	3	3,1					1	1	1	0
		Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN			26								26
		Trẻ KT học hòa nhập được đánh giá có tiến độ			0								

Thanh Minh, ngày tháng 06 năm 2025

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hằng

UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MẦM NON HÒA MI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về cơ sở vật chất tại thời điểm tháng 05

Năm học 2024-2025

(Theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Diện tích (m2)		Bình quân m2/trẻ em	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Tổng diện tích đất toàn trường (m2)	2.174		-	12m2/trẻ em
1	Điểm Trung tâm	1.268		-	12m2/trẻ em
2	Điểm Kê Nênh	490		-	12m2/trẻ em
II	Khối phòng hành chính, quản trị	Số lượng		Diện tích (m2)	
1	Phòng Hiệu trưởng	01		18.00	
2	Phòng Phó hiệu trưởng	01		18.00	
3	Phòng dành cho nhân viên	01		16.00	
4	Phòng bảo vệ	01		15.00	
5	Văn phòng trường	01		24.00	
6	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	01		12.00	
7	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	01		33.00	
III	Khối phòng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ	Số lượng	Diện tích (m2)	Bình quân m2/trẻ em	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
1	Phòng/Khu sinh hoạt chung	7	138	1,4m2/trẻ em	1,5 m2/trẻ
2	Phòng/ khu sinh vệ sinh	7	85	0,87 m2/trẻ	0,4 m2/trẻ

3	Hiên chơi đón trẻ	6	140	1,43 m2/trẻ	-
4	Kho nhóm/ lớp	5	80	0,82m2/trẻ	-
5	Phòng giáo dục thể chất	1	32	-	-
6	Phòng giáo dục nghệ thuật	1	28	-	-
7	Sân chơi	3	241	-	-
IV	Khối phòng tổ chức ăn	Số lượng	Diện tích (m2)	Bình quân m2/trẻ em	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
1	Nhà bếp	03	68	0,69m2/trẻ	0,3m2/trẻ em
V	Khối phụ trợ	Số lượng	Diện tích (m2)	Bình quân m2/trẻ em	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
1	Phòng y tế	01	16.00	-	-
2	Nhà kho	01	7.00	-	-
3	Công điểm Trung tâm	01	190.00	-	-
4	Cổng Điểm Kê Nênh	01	126.00	-	-
5	Cổng điểm Nà Nghè	01	31.00	-	-
VI	Số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Tổng số	Số bộ/mhóm/lớp	Yêu cầu tối thiểu theo quy định	
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	07	01/01	01 bộ/01 nhóm/lớp	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		../...	 bộ/... nhóm/lớp	
VII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		...bộ/01 sân trường	...bộ/01 sân trường	
VIII	Tổng số thiết bị điện tử- tin học đang được sử dụng phục vụ học tập		Số thiết bị/ nhóm/lớp		

	(máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)			
1				
2				
3				
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhó/lớp	
1				
2				
3				
4				
		Có	Không	
X	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x		
XI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x		
XII	Kết nối Internet	x		

XIII	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XIV	Tường rào xây	x	
XV	Trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy	x	

Thanh Minh, ngày tháng 06 năm 2025

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hằng

UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MẦM NON HẠ MI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tại thời điểm tháng 05
Năm học 2024-2025**

(Theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

[illegible]

2	Nhân viên bảo vệ	01						01							
---	------------------	----	--	--	--	--	--	----	--	--	--	--	--	--	--

Thanh Minh, ngày tháng 06 năm 2025

P. HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hằng

